

# Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

## Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 17.3.2020

---

## 125. Kinh Điều Ngự Địa (Dantabhūmi Sutta)

### Ai Có Thể Học Hiểu và Thấm Nhuần Giáo Pháp?

*Dantabhūmi có nghĩa là mức độ thuần hoá. Từ này theo sau từ dantakāraṇaṃ - huấn luyện. Vương tử Jayesana muốn hiểu về sự tu tập ly dục giải thoát nên ba lần thỉnh cầu sa di Aciravata giảng giải. Sau nhiều lần từ chối nhưng không được vị sa di đành nói lên những gì mình đã học hiểu. Câu trả lời của vị sa di không thuyết phục được vị vương tử. Sau đó vị sa di trình câu chuyện lên Bạc Đạo Sư. Đức Thế Tôn đã dạy một người sống trong dục lạc rất khó hiểu đạo giải thoát nhưng Ngài cũng nêu ra những thí dụ mà vị sa di có thể dùng để giải thích khi được hỏi. Sau đó Đức Phật dạy chi tiết về hành trình đạt đến cảnh giới thuần hóa nội tâm.*

#### 597. Kể nặng mùi tục lụy không thể hiểu đạo giải thoát

*Một vị vương tử trâm mình trong dục lạc thế tục lại tham vấn ý nghĩa đạo xuất thế khiến cho câu hỏi trở nên khó cho người hỏi cũng như người đáp:*



#### Kinh Văn

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá). Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivāpa). Lúc bấy giờ, Sa-di Aciravata (Tân Học Sa-môn) đang ở tại am thất Arañña. Rồi vương tử Jayasena trong khi tản bộ du hành, đi đến Sa-di Aciravata, sau khi đến nói lên với Sa-di Aciravata những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vương tử Jayasena nói với Sa-di Aciravata:

-- Tôn giả Aggivessana, tôi có nghe như sau: "Ở đây Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sẽ được nhứt tâm".

-- Sự việc là vậy, này Vương tử! Sự việc là vậy, này Vương tử! Ở đây, Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sẽ chứng được nhưt tâm.

-- Thật là tốt lành nếu Tôn giả Aggivessana thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học.

-- Này Vương tử, tôi không có thể thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu nay tôi thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học, và nếu Vương tử không hiểu lời tôi nói, như vậy sẽ làm tôi mệt mỏi, làm tôi phiền muộn.

-- Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Rất có thể, tôi sẽ hiểu ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana.

-- Này Vương tử, tôi sẽ thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu Vương tử có thể hiểu ý nghĩa lời nói của tôi, như vậy là tốt đẹp. Nếu Vương tử không thể hiểu lời nói của tôi, hãy dừng lại trên sự trạng của mình, chớ có hỏi tôi thêm nữa!

-- Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Nếu tôi có thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, như vậy là tốt đẹp. Nếu tôi không có thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, tôi sẽ dừng lại trên sự trạng của tôi, ở đây, tôi sẽ không hỏi Tôn giả Aggivessana thêm nữa.

Rồi Sa-di Aciravata thuyết pháp cho vương tử Jayasena như đã được nghe, như đã được học. Khi được nghe vậy, Vương tử nói với Sa-di Aciravata như sau:

-- Sự việc không phải là như vậy, Tôn giả Aggivessana; trường hợp không phải là như vậy, rằng Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần lại có thể chứng đắc nhất tâm.

Rồi Vương tử Jayasena sau khi nói lên với Sa-di Aciravata sự việc không phải như vậy và trường hợp không phải như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

## 598. Lời dạy của Bậc Đạo Sư

*Khi nghe câu chuyện trên Đức Phật dạy về hai thí dụ có sức thuyết phục hơn:*



### **Kinh Văn**

Rồi Sa-di Aciravata, sau khi vương tử Jayasena ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Aciravata kể lại cho Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với vương tử Jayasena.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Sa-di Aciravata:

-- Như vậy, này Aggivessana, nào có lợi ích gì? Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được. Chỉ có ly dục mới đạt được, hay chỉ có ly dục mới chứng được; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Aggivessana, ví như giữa các con voi, con ngựa hay con bò được dạy điều phục có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, được khéo huấn luyện; và có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò, được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, các con ấy có thể đi đến khả năng điều phục (dantakāraṇam), có thể đạt đến điều phục địa không?

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

-- Còn hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, nhưng không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện, các con ấy không được điều phục, có thể đi đến khả năng điều phục, không được điều phục có thể đạt đến điều phục địa, như hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện kia không?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- Cũng vậy, này Aggivessana, vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục,

lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này Aggivessana, một hòn núi lớn không xa làng hay thị trấn. Và có hai người bạn, tay trong tay đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, và đi đến hòn núi kia. Sau khi đến, một người bạn đứng dưới chân núi, còn người bạn kia leo lên đỉnh núi. Người bạn đứng dưới chân núi ấy có thể nói với người bạn đứng trên đỉnh núi: "Này Bạn thân, Bạn đứng trên đỉnh núi, Bạn thấy những gì?" Người kia nói: "Này Bạn thân, đứng trên đỉnh núi tôi thấy các vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái". Người kia nói: "Không có sự kiện này, này Bạn thân, không có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái, khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái".

Rồi người bạn đã đứng trên đỉnh núi, sau khi đi xuống chân núi, nắm tay bạn, khiến bạn trèo lên đỉnh núi, để bạn nghỉ ngơi một thời gian, rồi nói: "Này Bạn thân, nay Bạn có thể thấy gì, khi Bạn đứng trên đỉnh núi?" Và người bạn ấy có thể nói: "Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái". Người kia có thể nói như sau: "Vừa rồi, này Bạn thân, chúng tôi hiểu Bạn nói: "Không thể có sự kiện này, này Bạn thân, không thể có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Nhưng nay chúng tôi hiểu Bạn nói: "Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Người kia nói như sau: "Này Bạn thân, vì tôi bị che khuất bởi sườn núi này, nên không thấy được những điều đáng thấy".

Cũng vậy, nhưng to lớn hơn, này Aggivessana, là Vương tử Jayasena, bị che khuất, bị chặn đứng, bị chướng ngại, bị bao vây bởi vô minh uẩn này. Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nếu hai ví dụ này được Ông đề cập cho Vương tử Jayasena, thời Vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

-- Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, hai ví dụ này khởi đến từ nơi con cho Vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

## 599. Con đường thuần hoá tự thân

*Phật pháp dạy con đường chuyển hoá qua giáo dục, một phương cách áp dụng vào đời sống:*



### **Kinh Văn**

-- Ví như, này Aggivessana, một vị vua Sát-đế-ly đã quán đánh bảo người nài voi: "Này Tượng sư, hãy cưới con vương tượng, đi vào rừng vó voi; khi Ông thấy con voi rừng, hãy cột nó lại vào cổ con vương tượng". -- "Thưa vâng, Đại vương". Này Aggivessana, người tượng sư vâng theo lời vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, cưới con vương tượng, vào trong rừng có voi, thấy con voi rừng, cột (con voi rừng ấy) vào cổ con vương tượng. Con vương tượng kéo nó ra chỗ ngoài trời. Cho đến như vậy, này Aggivessana, con voi rừng được đi đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, con voi rừng còn có sự tham luyến tức là đối với rừng có voi.

Người tượng sư tâu với vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh về con voi rừng ấy. "Tâu Đại vương, con voi rừng đã ra chỗ ngoài trời". Rồi vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh bảo người điều phục voi: "Hãy đến, này người Điều phục voi, hãy điều phục con voi rừng này bằng cách điều phục nếp sống rừng của nó, bằng cách điều phục tâm tư rừng núi, bằng cách điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não đối với rừng núi của nó bằng cách làm cho nó thích thú với thôn làng, và bằng cách làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người".

-- "Thưa vâng, tâu Đại vương". Này Aggivessana, người điều phục voi vâng theo lời vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng, để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi, để điều phục sự suy tư, mệt nhọc, nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người.

Rồi người điều phục voi lại nói với nó bằng những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ. Và này Aggivessana, con voi rừng khi được nói với những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ, liền nghe, lóng tai, trú tâm vào học hỏi (aññā?). Tiếp đến người điều phục voi đem cỏ và nước cho con voi rừng. Này Aggivessana, khi con voi rừng nhận cỏ và nước, người điều phục voi mới nghĩ: "Nay con voi rừng sẽ sống".

Rồi người điều phục voi khiến (con voi rừng) làm thêm một động tác khác: "Này Bạn, nhắt lên! Này Bạn, đặt xuống!" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy nhắt lên, đặt xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: "Này Bạn, đi tới! Này Bạn đi lui!" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy đi tới, đi lui rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: "Này Bạn, đứng dậy! Này Bạn, ngồi xuống!" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy, đứng dậy, ngồi xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác tên gọi "bất động". Nó cột cái khiên bằng gỗ vào cái vòi của con vật to lớn, và một người tay cầm ngọn giáo ngồi trên cổ, và xung quanh một số người tay cầm ngọn giáo đứng bao vây. Và người điều phục voi, tay cầm một ngọn giáo với cán cây dài, đứng ở phía trước. Con voi ấy làm động tác bất động, không có di động chân trước, không có di động chân sau, không có di động thân trước, không có di động thân sau, không di động đầu, không có di động tai, không có di động ngà, không có di động vòi. Con vương tượng là con voi có thể nhẫn chịu đao, kiếm, tên, búa chém bắn, nhẫn chịu tiếng vang động của trống lớn, trống nhỏ, tù và, (như là) vàng ròng tẩy sạch các tỳ vết như bản, xứng đáng vua (dùng), một sở hữu của vua, một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này Aggivessana, ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này là Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên bố điều Ngài đã chứng ngộ.

Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, người ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến đây, này Aggivessana, là vị Thánh đệ tử đi đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, các vị Thiên, Nhân có tham ái này, tức là năm dục công đức.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm cho (vị đệ tử) ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong học pháp!"  
Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong học pháp, Như Lai lại huấn luyện thêm cho đệ tử ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy bảo hộ các căn! Khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thiết hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn".

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã hộ trì các căn, Như Lai huấn luyện thêm vị Thánh đệ tử ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đắm mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy chú tâm cảnh giác! Ban ngày khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm canh cuối, khi đã thức dậy trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp".

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã chú tâm cảnh giác, Như Lai huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác! Khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kẹp, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn uống nhai nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi đứng ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã thành tựu chánh niệm tỉnh giác, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy lựa một trú xứ thanh vắng, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đồng rơm!"

Vị ấy lựa chọn một trú xứ thanh vắng, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đồng rơm. Vị ấy sau khi ăn xong, trên đường khát thực trở về, ngồi xuống, kiết-già, giữ lưng cho thẳng, trú niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái, từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hồi quá, vị ấy sống không trạo cử hồi quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hồi quá. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy sau khi đoạn trừ năm triền cái này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để điều phục tham ưu ở đời, quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời.

Ví như, này Aggivessana, một người điều phục voi đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi của nó, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người; cũng vậy, này Aggivessana, bốn niệm xứ này là những dây cột tâm tư để điều phục tánh cư sĩ, để điều phục tâm tư cư sĩ, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt não của các cư sĩ, để đạt được chánh lý (ñāya), để chứng ngộ Niết-bàn.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm vị ấy:

-- Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy trú quán thân trên thân, và chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến thân; hãy trú quán thọ trên các cảm thọ, và chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến cảm thọ; hãy trú quán tâm trên tâm, chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến tâm; hãy trú quán pháp trên các pháp, và chớ có suy tư trên tầm liên hệ đến các pháp.

Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ



ba. Vị ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến túc mạng trí. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy vị ấy nhớ đến những đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến sanh tử trí của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Vị ấy nghĩ rằng: "Thật sự những vị chúng sanh này thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này". Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy tuệ tri như thật: "Đây là Khổ", tuệ tri như thật: "Đây là Khổ tập", tuệ tri như thật: "Đây là Khổ diệt", tuệ tri như thật: "Đây là con Đường đưa đến khổ diệt" tuệ tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là con Đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc".

Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phàm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có trở lui đời sống này nữa".

Tỷ-kheo kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của muỗi, ruồi, gió, mặt trời và các loài bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng, vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân, thông khổ, đau nhói, đau đớn, kịch liệt, bất khoái, không thích ý, đau đớn đến chết, được gột sạch về uế nhiễm tham, sân, si. Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chấp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thời con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung; nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Cũng vậy, này Aggivessana, nếu vị Trưởng lão Tỷ-kheo chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo trung niên; nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo thiếu niên chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Tỷ-kheo thiếu niên được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung, nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết đã được điều phục. Cũng vậy, này Aggivessana, nếu một Trưởng lão Tỷ-kheo với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một trung niên Tỷ-kheo; nếu, này Aggivessana, một thiếu niên Tỷ-kheo, với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời vị thiếu niên Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết đã được điều phục.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sa-di Aciravata hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

**Kinh số 125 [tóm tắt]**  
**Kinh Điều Ngự Địa**  
**(Dantabhūmi Sutta)**  
**(M.iii, 128)**

Sa-di Aciravata thuật lại cho Thế Tôn cuộc đàm thoại với Vương tử Jayasena, con vua Bimbisāra, trong đó Sa-di không thể làm cho Vương tử tin được rằng vị Tỷ-kheo nhờ sống không phóng dật nhiệt tâm, tinh cần lại có thể chứng đắc nhất tâm. Đức Thế Tôn bảo Sa-di rằng dĩ nhiên Vương tử, người sống giữa các dục vọng, bị tư tưởng dục vọng thiêu đốt, thì không thể thấy biết hay chứng đắc những gì chỉ có lý dục mới thấy biết, chứng đắc. Cũng như con voi, ngựa hay bò được khéo điều phục mới có thể đạt đến điều phục địa. Lại ví như người ở dưới chân núi không thể thấy biết những gì người đứng trên đỉnh núi thấy biết. Cũng vậy, Vương tử bị ngọn núi vô minh còn to lớn hơn che khuất nên không thể thấy hay chứng được quả vị chỉ có lý dục mới thấy được, chứng được.

Đức Thế Tôn nhân đây đề cập đến những giai đoạn luyện voi để ví với những giai đoạn điều phục con người từ địa vị phàm phu đến thánh vị. Người điều phục voi của vua cột cổ con voi rừng vào cái cọc để điều phục nếp sống rừng của nó, điều phục tâm tư rừng rú, sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt nảo của núi rừng, làm cho nó thích thú với thôn làng và quen thuộc với nếp sống loài người. Kế đó, người luyện voi lại nói với nó bằng những lời nhẹ nhàng đẹp tai, thân tình, thanh nhã, làm cho nó ưa nghe, lắng tai, chú tâm vào sự học hỏi. Tiếp đến người ấy đem cỏ và nước cho con voi rừng. Khi nó đã nhận cỏ và nước, người kia biết nó sẽ sống và bắt đầu dạy nó làm những động tác: “Này bạn, nhặt lên. Này bạn, đặt xuống” – “Này bạn, đi tới. Này bạn, đi lui” – “Này bạn, đứng dậy. Này bạn, ngồi xuống”. Sau khi con voi vâng theo lời người nài làm tất cả những động tác ấy, người nài liền dạy nó một động tác nữa gọi là “bất động”, làm cho nó không di động bất cứ một thân phần nào trên cơ thể: Chân trước, chân sau, thân trước, thân sau, đầu, tai, ngà, đuôi, vòi. Nó trở thành con vương tượng có thể nhẫn chịu đao, kiếm, tên, búa chém, bắn, nhẫn chịu tiếng vang động của trống lớn, tù và, xứng đáng là biểu tượng của vua.

Cũng vậy, Như Lai điều phục một người đáng điều phục bằng những phương pháp sau:

**1.** Đầu tiên vị Tỷ-kheo giữ giới, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bản, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ.

2. Kế đến, vị ấy tập hộ trì các căn môn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, khi tiếp xúc với sáu đối tượng: sắc, thanh,.. không nắm giữ tướng chung, tướng riêng. Chế ngự những nguyên nhân làm cho tham ái, ưu, bi khởi lên khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà không được chế ngự.

3. Vị Tỷ-kheo được dạy phải tiết độ trong ăn uống, không vì đam mê trang sức mà chỉ để khỏi đói khát làm trở ngại phạm hạnh.

4. Vị ấy tập luyện sự chú tâm cảnh giác trong bốn uy nghi, gột sạch tâm trí khỏi chướng ngại pháp.

5. Vị ấy tập chánh niệm tỉnh giác, biết rõ mọi động tác như đi tới, đi lui, nhìn thẳng, nhìn quanh, co tay, duỗi tay, ăn uống, nhai, nếm, nói, im lặng.

6. Vị ấy tập thiền định ở chỗ vắng, ngồi kiết già an trú chánh niệm trước mặt, từ bỏ mọi tham ái, sống với tâm không sân hận, từ mãn xót thương tất cả hữu tình. Vị ấy gột rửa tâm khỏi năm triền cái; sống quán thân trên thân, quán thọ trên các cảm thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời. Vị ấy chứng Sơ thiền cho đến Tứ thiền và cuối cùng là A-la-hán quả, nhờ pháp quán bốn Niệm xứ được thuần thục.

7. Vị ấy kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát và tất cả những cảm thọ khốc liệt khó chịu về thân, gột sạch những uế nhiễm tham, sân, si, trở thành bậc xứng đáng được cúng dường, là phước điền vô thượng của thế gian. Đức Thế Tôn kết luận, con vương tượng già, trung niên hay trẻ chết mà không được điều phục thì gọi là đã chết với cái chết chưa được điều phục. Vị Trưởng lão Tỷ-kheo trung niên hay niên thiếu Tỷ-kheo cũng vậy, chết với lậu hoặc chưa đoạn tận gọi là chết với cái chết chưa được điều phục. Ngược lại, nếu con vương tượng già, trung, trẻ khéo huân luyện chết đi được gọi là chết với cái chết được điều phục. Như vị Trưởng lão Tỷ-kheo, trung niên, niên thiếu Tỷ-kheo khéo điều phục chết đi, được gọi là đã chết với cái chết đã được điều phục vì lậu hoặc đã được đoạn tận nơi vị ấy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Sa-di Aciravata hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

**-ooOoo-**

**Kinh số 125 [dàn ý]**  
**Kinh Điều Ngự Địa**  
**(Dantabhūmi Sutta)**  
**(M.iii, 128)**

**A. Duyên khởi:**

Sa-di Aciravata thuyết pháp cho vương tử Jayasena về đề tài vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần chứng được nhưt tâm nhưng vương tử Jayasena không chấp nhận và bỏ đi. Sa-di Aciravata thuật lại sự việc này cho Thế Tôn và Thế Tôn thuyết giảng kinh này.

**B. Chánh kinh:**

**I.** Thế Tôn dạy vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, không thể thấy, biết, đạt và chứng quả vị ly dục.

Thế Tôn dùng 2 ví dụ để chứng minh điều này.

**II.** Bốn giai đoạn: một người nài điều phục con voi:

1. Kéo con voi từ trong rừng rậm ra ngoài trời, nó vẫn còn tham luyến rừng có voi.

2. Điều phục nếp sống tâm tư rừng núi của nó bằng cách làm cho nó quen thuộc thôn làng và nếp sống loài người.

3. Dạy cho con voi các động tác cần thiết như nhặt lên, đặt xuống, đi tới, đi lui, đứng, ngồi rồi bất động.

4. Con voi trở thành con vương tượng kham nhẫn lạnh, nóng, chiến trận, không còn ướnhiễm.

**III.** Thế Tôn điều phục đệ tử qua 4 giai đoạn:

1. Nghe pháp xuất gia.

2. Giữ giới, hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác.

3. Tu thiền, lựa một chỗ thanh vắng, đoạn 5 triền cái, quán 4 niệm xứ để điều phục tâm tánh của cư sĩ, tu tập và chứng 4 thiền.

4. Tu tuệ, kham nhẫn lạnh nóng, đói khát, các khổ thọ khốc liệt, đoạn được tham sân si, trở thành vô thượng phước điền ở đời.

IV. Thế nào là con voi chết đi không được điều phục. Thế nào là vị Tỷ-kheo chết đi không được điều phục. Thế nào là con voi chết đi được điều phục. Thế nào là vị Tỷ-kheo chết đi được điều phục.

### C. Kết luận:

Sa-di Aciravata hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu*

-ooOoo-

## **Kinh số 125 [toát yếu] Kinh Điều Ngự Địa (Dantabhūmi Sutta) (M.iii, 128)**

### I. TOÁT YẾU

#### *Grade of the Tamed.*

*By analogy with the taming of an elephant, the Buddha explains how he tames his disciples.*

#### *Cấp độ huấn luyện.*

*Phật giảng cách huấn luyện đệ tử với ẩn dụ luyện voi.*

### II. TÓM TẮT

Vương tử Jayasena [1] đến xin Sa di Aciravata dạy cho mình Pháp ông đã được nghe, theo đó, một tỷ kheo nhiệt tâm tinh cần có thể đắc định. Sa di từ chối, nhưng trước sự năn nỉ của vương tử, ông bảo tôi sẽ nói Pháp mà tôi đã được nghe và học, nhưng nếu ông không hiểu ý nghĩa thì cũng không được hỏi. Vương tử bằng lòng.

Sau khi nghe sa di nói Pháp, vương tử bảo làm gì có chuyện một tỳ kheo không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần lại có thể đắc định, và vương tử ra về. Sa di đến hầu Phật, thuật lại mọi sự.

Phật dạy dĩ nhiên vì Jayasena đang sống trong dục lạc, bị dục lạc nhai nghiền nên không thể hiểu những gì cần phải xa lìa các dục mới hiểu được. Rồi Phật lấy ví dụ con voi [2] chưa được thuần hóa không thể đạt đến địa vị chỉ có thể đạt bởi voi thuần; và ví dụ về một người đứng trên đỉnh núi tả phong cảnh trên đỉnh cho một kẻ đang đứng dưới chân núi, kẻ sau này vì bị ngọn núi che tầm mắt nên không thể thấy gì và sẽ cho người đứng trên là nói dóc. Cũng vậy vương tử đối với sa di là như con voi rừng với con voi đã luyện, như người đứng dưới núi với kẻ đứng trên đỉnh. Khi người ở dưới cũng leo lên đỉnh thì sẽ thấy như bạn mình đã thấy, và biết mình đã bị chướng ngại nên không thấy được. Nhưng chướng ngại của vương tử lại còn nặng nề hơn nhiều, vì ông ta bị đồng vô minh che khuất khi sống với dục lạc, và không thể thấy những gì cần được thấy nhờ ly dục. Và Phật bảo sa di: Nếu ông đưa ra hai ví dụ ấy thì chắc vương tử sẽ nghe theo ông, và cư xử phải phép. Sa di bạch Phật: Hai ví dụ này chính con cũng mới được nghe lần đầu, thì làm sao con có thể nói với ông vương tử một cách tự nhiên như Thế Tôn dạy?

Khi ấy Phật giảng rộng ẩn dụ luyện voi để ví với sự đào luyện một người từ cương vị phàm phu cho đến bậc thánh. Như một vị vua bảo người thợ rừng cỡi trên một thớt voi chúa đi vào rừng, và khi trông thấy con voi nào thì cột nó vào cổ con voi chúa mà kéo ra khỏi rừng. Sau đó vua bảo người luyện voi hãy điều phục con voi mới tóm được ấy, cho hết những thói rừng rú của nó. Làm cho nó hết buồn sầu vì nhớ rừng và thích thú với làng mạc. Người luyện voi dùng lời khả ái dạy nó dần dần cho đến khi nó làm được những động tác nhất lên, để xuống, đi tới đi lui đứng lên ngồi xuống và cuối cùng là tập cho nó bất động toàn thân, mặc cho bao nhiêu sự tấn công từ ngoài. Khi ấy con voi trở thành vương tượng kham nhẫn được mọi đau đớn do gươm giáo tên đạn và những tiếng động chất chúa. Nó trở thành xứng đáng cho vua dùng. Cũng vậy, một tỳ kheo sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, được Phật huấn luyện giữ giới, hộ trì căn, tiết độ ăn uống, chú tâm cảnh giác gột sạch tâm khỏi chướng ngại pháp, chánh niệm tinh giác trong các uy nghi, chọn chỗ vắng ngồi thiền gột trừ năm triền cái, quán 4 niệm xứ để điều phục tham ưu liên hệ thế tục [3], cuối cùng chứng sơ thiền, nhị thiền [4] đến tứ thiền. Sau khi đắc một thiền chứng trong số này, vị ấy hướng tâm đến lậu tận và đắc quả A-la-hán. Vị tỳ kheo khi ấy hẳn nhục chịu được nóng lạnh đói khát, từ bỏ tất cả tham sân si và lầm lỗi, xứng đáng sự lễ bái cúng dường của thế nhân. Như một con voi không được điều phục lúc sống thì khi chết, nó chết một cái chết không được điều phục, bất kể con voi ấy trẻ hay già. Một tỳ kheo cũng vậy.

### III. CHÚ GIẢI

1. Theo MA, thái tử là con vua Bimbisāra.
2. Ân dụ giống như kinh 90.
3. Đề ý ở đây, bốn niệm xứ được giải thích ở chỗ thông thường dành cho bốn thiên.
4. Vì sự trình bày ở đây bắt đầu bằng thiên thứ hai, nên đoạn trước đây về tu bốn niệm xứ phải được ngầm hiểu là bao quát thiên thứ nhất.

### IV. PHÁP SỐ

*(không có)*

### V. KỆ TỤNG

‘Vương tử Jayasena  
Hỏi Sa di ở rừng  
Thế nào với nhiệt tâm  
Tinh cần không phóng dật  
Thì có thể đắc định  
Xin đại đức nói nghe.

‘Sa di bảo vương tử:  
Tôi sẽ nói cho ông  
Nhưng nếu ông không hiểu  
Đừng hỏi nữa mất công.  
Sa di nói Pháp xong  
Vương tử không tin nhận  
Cho chi là nói dóc  
Và đứng dậy bỏ đi.

‘Sa di đến hầu Phật  
Thuật lại hết sự tình.  
Phật dạy lẽ đương nhiên  
Kẻ sống trong dục lạc  
Bị năm dục nhai nghiền  
Làm sao hiểu những gì  
Muốn hiểu cần yếm ly



Và lánh xa năm dục.  
N như voi đã được luyện  
Cư xử khác voi rừng  
N như người dưới chân núi  
Không thấy cảnh bao la.  
Vương tử bị chướng ngại  
To tát hơn cả núi  
Là năm dục lôi kéo  
Và đồng lớn vô minh.  
Nếu ông ví dụ vậy  
Vương tử sẽ tin ngay  
Và khi đã tin ông  
Sẽ hành xử đúng cách.

‘Nhưng bạch đức  
Thế Tôn Làm sao con nói được  
Khi con chỉ được nghe  
Ví dụ ấy lần đầu?  
Khi ấy Phật giảng rộng  
Về ẩn dụ luyện voi  
Tương tự cách đào luyện  
Phàm phu thành bậc thánh.

‘Như vua bảo thợ săn  
Cỡi tượng vương vào rừng  
Thấy voi hãy tóm cổ  
Dẫn ra khỏi rừng sâu  
Rồi lại bảo anh nài  
Luyện voi thành thuần thục.  
Trước hết bỏ thói rừng  
Thích thú với làng mạc  
Dần tập nhiều động tác  
Cuối cùng tập đứng yên  
Toàn thân thành bất động  
Trước mọi sự tấn công  
Bấy giờ voi xứng đáng  
Báu vật của vua dùng.

‘Thiện nam tử xuất gia  
Ra khỏi nhà thế tục,  
Giữ giới, hộ trì căn,  
Uống ăn có tiết độ,  
Cảnh giác các lỗi lầm  
Đứng đi trong chánh niệm  
Chọn chỗ vắng thiền tư  
Gột trừ năm triền cái  
Quán bốn chỗ tướng niệm  
Và chứng đắc bốn thiền.  
Sau khi được thiền chứng  
Hướng tâm đến lậu tận.  
Vị tử khéo khi ấy  
Nhẫn chịu mọi thử thách  
Từ bỏ tham sân si  
Đáng lễ bái cúng dường  
Bất kể trẻ hay già  
Người sống không điều phục  
Chết với tâm hoang mang  
Của kẻ thiếu tỉnh thức  
Dù thượng, trung, hạ tọa  
Người sống có điều phục  
Chết với tâm an nhiên  
Như một người giác tỉnh.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

## 125. Dantabhūmisuttaṃ [Mūla]

213. Evaṃ me suttaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** rājagahe viharati veḷuvane kalandakanivāpe. Tena kho pana samayena aciravato samaṇuddeso araṇṇakuṭikāyaṃ viharati. Atha kho jayaseno rājakumāro jaṅghāvihāraṃ anucaṅkamamāno anu vicaramāno yena aciravato samaṇuddeso tenupasaṅkami upasaṅkamtivā aciravatena samaṇuddesena saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ saraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho jayaseno rājakumāro aciravataṃ samaṇuddesaṃ etadavoca : "suttaṃ metaṃ, bho aggivessana : 'idha bhikkhu appamatto ātāpī pahitatto viharanto phuseyya cittaṃ ekaggatanti. 'Evametaṃ, rājakumāra, evametaṃ, rājakumāra. Idha bhikkhu appamatto ātāpī pahitatto viharanto phuseyya cittaṃ ekaggatanti. 'Sādhu me bhavaṃ aggivessano yathāsuttaṃ yathāpariyattaṃ dhammaṃ desetūti. 'Na kho te ahaṃ, rājakumāra, sakkomi yathāsuttaṃ yathāpariyattaṃ dhammaṃ desetuṃ. Ahañca hi te, rājakumāra, yathāsuttaṃ yathāpariyattaṃ dhammaṃ deseyyaṃ, tvañca me bhāsitaṃ atthaṃ na ājāneyyāsi so mamassa kilamatho, sā mamassa vihesāti. 'Desetu me bhavaṃ aggivessano yathāsuttaṃ yathāpariyattaṃ dhammaṃ. Appevanāmāhaṃ bho aggivessanassa bhāsitaṃ atthaṃ ājāneyyanti. 'Deseyyaṃ kho te ahaṃ, rājakumāra, yathāsuttaṃ yathāpariyattaṃ dhammaṃ. Sace me tvaṃ bhāsitaṃ atthaṃ ājāneyyāsi, iccetaṃ kusalaṃ no ce me tvaṃ bhāsitaṃ atthaṃ ājāneyyāsi, yathāsake tiṭṭheyyāsi, na maṃ tattha uttarīṃ paṭipuccheyyāsīti. 'Desetu me bhavaṃ aggivessano yathāsuttaṃ yathāpariyattaṃ dhammaṃ. Sace ahaṃ bho aggivessanassa bhāsitaṃ atthaṃ ājānissāmi [ājāneyyāmi (ka.)], iccetaṃ kusalaṃ no ce ahaṃ bho aggivessanassa bhāsitaṃ atthaṃ ājānissāmi, yathāsake tiṭṭhissāmi [tiṭṭheyyāmi (ka.)], nāhaṃ tattha bhavantaṃ aggivessanaṃ uttarīṃ paṭipucchissāmīti.

214. Atha kho aciravato samaṇuddeso jayasenassa rājakumārassa yathāsuttaṃ yathāpariyattaṃ dhammaṃ desesi. Evaṃ vutte, jayaseno rājakumāro aciravataṃ samaṇuddesaṃ etadavoca : "atṭhānametaṃ, bho aggivessana, anavakāso yaṃ bhikkhu appamatto ātāpī pahitatto viharanto phuseyya cittaṃ ekaggatanti. Atha kho jayaseno rājakumāro aciravatassa samaṇuddesassa atṭhānatañca anavakāsatañca pavedetvā utṭhāyāsanaṃ pakkāmi. Atha kho aciravato samaṇuddeso acirapakkante jayasene rājakumāre yena **Bhagavā** tenupasaṅkami upasaṅkamtivā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho aciravato samaṇuddeso yāvatako ahosi jayasenena rājakumārena saddhiṃ kathāsallāpo taṃ sabbhaṃ bhagavato ārocesi. Evaṃ vutte, **Bhagavā** aciravataṃ samaṇuddesaṃ etadavoca : "taṃ kutettha, aggivessana, labbhā. Yaṃ taṃ nekkhammena ñātabbaṃ nekkhammena datṭhabbaṃ nekkhammena pattaṃ nekkhammena sacchikātabbaṃ taṃ vata jayaseno rājakumāro kāmamajjhe vasanto kāme

paribhuñjanto kāmavitakkehi khajjamāno kāmapariḷāhena pariḍayhamāno kāmapariyesanāya ussuko [ussukko (sabbattha)] ñassati vā dakkhati vā sacchi vā karissatīti : netam ṭhānam vijjati.

**215.** "Seyyathāpissu, aggivessana, dve hatthidammā vā assadammā vā godammā vā sudantā suvinītā, dve hatthidammā vā assadammā vā godammā vā adantā avinītā. Tam kiṃ maññasi, aggivessana, ye te dve hatthidammā vā assadammā vā godammā vā sudantā suvinītā, api nu te dantāva dantakāraṇam gaccheyyum, dantāva dantabhūmiṃ sampāpuṇeyyunti? "evaṃ, bhante. "Ye pana te dve hatthidammā vā assadammā vā godammā vā adantā avinītā, api nu te adantāva dantakāraṇam gaccheyyum, adantāva dantabhūmiṃ sampāpuṇeyyum, seyyathāpi te dve hatthidammā vā assadammā vā godammā vā sudantā suvinītāti? "no hetam, bhante. "Evameva kho, aggivessana, yaṃ taṃ nekkhammena ñātabbam nekkhammena datṭhabbam nekkhammena pattabbam nekkhammena sacchikātabbam taṃ vata jayaseno rājakumāro kāmamajjhe vasanto kāme paribhuñjanto kāmavitakkehi khajjamāno kāmapariḷāhena pariḍayhamāno kāmapariyesanāya ussuko ñassati vā dakkhati vā sacchi vā karissatīti : netam ṭhānam vijjati.

**216.** "Seyyathāpi, aggivessana, gāmassa vā nigamassa vā avidūre mahāpabbato. Tamenam dve sahāyakā tamhā gāmā vā nigamā vā nikkhamitvā hatthavilaṅghakena yena so pabbato tenupasaṅkameyyum upasaṅkamitvā eko sahāyako heṭṭhā pabbatapāde tiṭṭheyya, eko sahāyako uparipabbataṃ āroheyya. Tamenam heṭṭhā pabbatapāde ṭhito sahāyako uparipabbate ṭhitaṃ sahāyakaṃ evaṃ vedayya : 'yaṃ, samma, kiṃ tvaṃ passasi uparipabbate ṭhitoti? so evaṃ vadeyya : 'passāmi kho ahaṃ, samma, uparipabbate ṭhito ārāmarāmaṇeyyakam vanarāmaṇeyyakam bhūmirāmaṇeyyakam pokkharaṇīrāmaṇeyyakanti. "So evaṃ vadeyya : 'atṭhānam kho etaṃ, samma, anavakāso yaṃ tvaṃ uparipabbate ṭhito passeyyāsi ārāmarāmaṇeyyakam vanarāmaṇeyyakam bhūmirāmaṇeyyakam pokkharaṇīrāmaṇeyyakanti. Tamenam uparipabbate ṭhito sahāyako heṭṭhimapabbatapādam orohitvā taṃ sahāyakaṃ bāhāyaṃ gahetvā uparipabbataṃ āropetvā muhuttaṃ assāsetvā evaṃ vadeyya : 'yaṃ, samma, kiṃ tvaṃ passasi uparipabbate ṭhitoti? so evaṃ vadeyya : 'passāmi kho ahaṃ, samma, uparipabbate ṭhito ārāmarāmaṇeyyakam vanarāmaṇeyyakam bhūmirāmaṇeyyakam pokkharaṇīrāmaṇeyyakanti. "So evaṃ vadeyya : 'idāneva kho te, samma, bhāsitaṃ : mayam evam ājānāma : atṭhānam kho etaṃ samma, anavakāso yaṃ tvaṃ uparipabbate ṭhito passeyyāsi ārāmarāmaṇeyyakam vanarāmaṇeyyakam bhūmirāmaṇeyyakam pokkharaṇīrāmaṇeyyakanti. Idāneva ca pana te bhāsitaṃ mayam evam ājānāma : 'passāmi kho ahaṃ, samma, uparipabbate ṭhito ārāmarāmaṇeyyakam vanarāmaṇeyyakam bhūmirāmaṇeyyakam

pokkharañīrāmaṇeyyakanti. So evaṃ vadeyya : 'tathā hi panāhaṃ, samma, iminā mahatā pabbatena āvuto [āvato (sī. aṭṭha0 pī.), āvuto (syā. kaṃ. ka.)] daṭṭheyyaṃ nāddasanti. "Ato mahantatarena, aggivessana, avijjākhandhena jayaseno rājakumāro āvuto nivuto [nivuto (syā. kaṃ. pī. ka.)] ophuṭo [ovuto (sī.), ovuto (syā. kaṃ. pī.)] pariyonaddho. So vata yaṃ taṃ nekkhammena ñātappaṃ nekkhammena daṭṭhabbaṃ nekkhammena pattappaṃ nekkhammena sacchikāttappaṃ taṃ vata jayaseno rājakumāro kāmamajjhe vasanto kāme paribhuñjanto kāmavitakkehi khajjamāno kāmapariḷāhena pariḍayhamāno kāmapariyesanāya ussuko ñassati vā dakkhati vā sacchi vā karissatīti : nettaṃ tñānaṃ vijjati . Sace kho taṃ, aggivessana, jayasenassa rājakumārassa imā dve upamā paṭibhāyeyyaṃ [paṭibhāyeyyaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)], anacchariyaṃ te jayaseno rājakumāro pasīdeyya, pasanno ca te pasannākāraṃ kareyyāti. "Kuto pana maṃ, bhante, jayasenassa rājakumārassa imā dve upamā paṭibhāyissanti [paṭibhāyissanti (sī. syā. kaṃ. pī.)] anacchariyā pubbe assutapubbā, seyyathāpi bhagavantanti?

**217.** "Seyyathāpi , aggivessana, rājā khattiyo muddhāvasitto nāgavanikaṃ āmanteti : 'ehi tvam, samma nāgavanika, rañño nāgaṃ abhiruhitvā nāgavanam pavisitvā āraññakaṃ nāgaṃ atipassitvā rañño nāgassa gīvāyaṃ upanibandhāhīti. 'Evaṃ, devāti kho, aggivessana, nāgavaniko rañño khattiyassa muddhāvasittassa paṭissutvā rañño nāgaṃ abhiruhitvā nāgavanam pavisitvā āraññakaṃ nāgaṃ atipassitvā rañño nāgassa gīvāyaṃ upanibandhati. Tamenam rañño nāgo abbhokāsaṃ nīharati. Ettāvata kho, aggivessana, āraññako nāgo abbhokāsaṃ gato hoti. Etthagedhā [etagedhā (sī. pī.)] hi, aggivessana, āraññakā nāgā yadidaṃ : nāgavanam. Tamenam nāgavaniko rañño khattiyassa muddhāvasittassa ārocesi : 'abbhokāsaṃ gato kho [kho te (syā. kaṃ. ka.)], deva, āraññako nāgoti. Atha kho aggivessana, tamenam rājā khattiyo muddhāvasitto hatthidamakaṃ āmantesi : 'ehi tvam, samma hatthidamaka, āraññakaṃ nāgaṃ damayāhi āraññakānañceva sīlānaṃ abhinimmadanāya āraññakānañceva sarasaṅkappānaṃ abhinimmadanāya āraññakānañceva darathakilamathapariḷāhānaṃ abhinimmadanāya gāmaṃte abhiramāpanāya manussakantesu sīlesu samādapanāyāti [samādapanāyāti (?)].

"Evaṃ , devāti kho, aggivessana, hatthidamako rañño khattiyassa muddhāvasittassa paṭissutvā mahantaṃ thambhaṃ pathaviyaṃ nikhanitvā āraññakassa nāgassa gīvāyaṃ upanibandhati āraññakānañceva sīlānaṃ abhinimmadanāya āraññakānañceva sarasaṅkappānaṃ abhinimmadanāya āraññakānañceva darathakilamathapariḷāhānaṃ abhinimmadanāya gāmaṃte abhiramāpanāya manussakantesu sīlesu samādapanāya. Tamenam hatthidamako yā sā vācā nelā kaṇṇasukhā pemaṇiyā hadayaṅgamā porī bahujanakantā bahujanamanāpā tathārūpāhi vācāhi samudācarati. Yato kho, aggivessana, āraññako nāgo hatthidamakassa yā sā vācā nelā kaṇṇasukhā pemaṇiyā hadayaṅgamā porī

bahujanakantā bahujanamanāpā tathārūpāhi vācāhi samudācariyamāno sussūsati, sotam odahati, aññā cittam upatthāpeti tamenam hatthidamako uttari tiṅghāsodakam anuppavecchati. "Yato kho, aggivessana, āraññako nāgo hatthidamakassa tiṅghāsodakam paṭiggaṇhāti, tatra hatthidamakassa evam hoti : 'jīvissati kho [nu kho (sī. ka.)] dāni āraññako [rañño (sī. pī.)] nāgoti. Tamenam hatthidamako uttari kāraṇam kāreti : 'ādiya, bho, nikkhipa, bhoti. Yato kho, aggivessana, āraññako nāgo hatthidamakassa ādānanikkhepe vacanakaro hoti ovādappaṭikaro, tamenam hatthidamako uttari kāraṇam kāreti : 'abhikkama, bho, paṭikkama, bhoti. Yato kho, aggivessana, āraññako nāgo hatthidamakassa abhikkamapaṭikkamavacanakaro hoti ovādappaṭikaro, tamenam hatthidamako uttari kāraṇam kāreti : 'uṭṭhaha, bho, nisīda, bhoti. Yato kho, aggivessana, āraññako nāgo hatthidamakassa uṭṭhānanisajjāya vacanakaro hoti ovādappaṭikaro, tamenam hatthidamako uttari āneñjam nāma kāraṇam kāreti, mahantassa phalakam soṇḍāya upanibandhati, tomarahattho ca puriso uparigīvāya nisīno hoti, samantato ca tomarahatthā purisā parivāretvā ṭhitā honti, hatthidamako ca dīghatamarayaṭṭhim gahetvā purato ṭhito hoti. So āneñjam kāraṇam kāriyamāno neva purime pāde copeti na pacchime pāde copeti, na purimakāyam copeti na pacchimakāyam copeti, na sīsam copeti, na kaṇṇe copeti, na dante copeti , na naṅgutṭham copeti, na soṇḍam copeti. So hoti āraññako nāgo khamo sattippahārānam asippahārānam usuppahārānam sarapattappahārānam [parasatthappahārānam (sī.), parasattuppahārānam (syā. kam. pī.)] bheriṇaṇavavaṃsasaṅkhaḍḍiṇḍimaninnādasaddānam - [bheriṇaṇavasāṅkhatīṇavaninnādasaddānam (pī.)] sabbavaṅkadosanihitāninnītakasāvo rājāraho rājabhoggo rañño aṅganteva saṅkham gacchati.

218. "Evameva kho, aggivessana, idha tathāgato loke uppajjati araham sammāsambuddho vijjācaraṇasampanno sugato lokavidū anuttaro purisadammasārathi satthā devamanussānam buddho **Bhagavā**. So imaṃ lokam sadevakam samārakam sabrahmakam sassamaṇabrāhmaṇim pajam sadevamanussam sayam abhiññā sacchikatvā pavedeti. So dhammam deseti ādikalyāṇam majjhekalyāṇam pariyoṣānakalyāṇam sāttham sabyañjanam, kevalaparipuṇṇam parisuddham brahmacariyam pakāseti. Tam dhammam suṇāti gahapati vā gahapatiputto vā aññatarasmim vā kule paccājāto. So tam dhammam sutvā tathāgate saddham paṭilabhati. So tena saddhāpaṭilābhena samannāgato iti paṭisaṅcikkhati : 'sambādho gharāvāso rajāpatho, abbhokāso pabbajjā. Nayidaṃ sukaram agāram ajjhāvasatā ekantaparipuṇṇam ekantaparissuddham saṅkhalikhitam brahmacariyam caritaṃ. Yamnūnāham kesamassam ohāretvā kāsāyāni vatthāni acchādetvā agārasmā anagāriyam pabbajeyyanti. "So aparena samayena appam vā bhogakkhandham pahāya mahantam vā bhogakkhandham pahāya appam vā

ñātiparivaṭṭaṃ pahāya mahantaṃ vā ñātiparivaṭṭaṃ pahāya kesamassuṃ ohāretvā kāsāyāni vatthāni acchādetvā agārasmā anagāriyaṃ pabbajati. Ettāvata kho, aggivessana, ariyasāvako abbhokāsagato hoti. Etthagedhā hi, aggivessana, devamanussā yadidaṃ : pañca kāmagaṇā. Tameṇaṃ tathāgato uttariṃ vineti : 'ehi tvam, bhikkhu, sīlavā hohi, pātimokkhasaṃvarasaṃvuto viharāhi ācāragocarasaṃpanno, aṇumattesu vajjesu bhayadassāvī, samādāya sikkhassu sikkhāpadesūti. "Yato kho, aggivessana, ariyasāvako sīlavā hoti, pātimokkhasaṃvarasaṃvuto viharati ācāragocarasaṃpanno aṇumattesu vajjesu bhayadassāvī, samādāya sikkhati sikkhāpadesu, tameṇaṃ tathāgato uttariṃ vineti : 'ehi tvam, bhikkhu, indriyesu guttadvāro hohi, cakkhunā rūpaṃ disvā mā nimittaggāhī - pe - (yathā gaṇakamoggallānasuttante, evaṃ vitthāretabbāni.)

**219.** "So ime pañca nīvaraṇe pahāya cetaso upakkilese paññāya dubbalīkaraṇe kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ. Vedanāsu - pe - citte - pe - dhammesu dhammānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassaṃ. Seyyathāpi, aggivessana, hatthidamako mahantaṃ thambhaṃ pathaviyaṃ nikhaṇitvā āraññakassa nāgassa gīvāyaṃ upanibandhati āraññakānañceva sīlānaṃ abhinimmadanāya āraññakānañceva sarasaṅkappānaṃ abhinimmadanāya āraññakānañceva darathakilamathapariḷāhānaṃ abhinimmadanāya gāmaṇte abhiraṃpanāya manussakantesu sīlesu samādapanāya evameva kho, aggivessana, ariyasāvakaṃ ime cattāro satipaṭṭhānā cetaso upanibandhanā honti gehasitānañceva sīlānaṃ abhinimmadanāya gehasitānañceva sarasaṅkappānaṃ abhinimmadanāya gehasitānañceva darathakilamathapariḷāhānaṃ abhinimmadanāya ñāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikiriyāya.

**220.** "Tameṇaṃ tathāgato uttariṃ vineti : 'ehi tvam, bhikkhu, kāye kāyānupassī viharāhi , mā ca kāmūpasamhitāṃ vitakkaṃ vitakkesi. Vedanāsu... citte... dhammesu dhammānupassī viharāhi, mā ca kāmūpasamhitāṃ vitakkaṃ vitakkesīti. "So vitakkavicāraṇaṃ vūpasamā ajjhantaṃ sampasādanaṃ cetaso ekodibhāvaṃ avitakkaṃ avicāraṃ samādhijaṃ pītisukhaṃ dutiyaṃ jhānaṃ - pe - tatiyaṃ jhānaṃ... catutthaṃ jhānaṃ upasampajja viharati. So evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgaṇe vigatūpakkilese mudubhūte kammaniye ṭhite āneñjappatte pubbenivāsānussatiñāṇāya cittaṃ abhininnāmeti. So anekavihitāṃ pubbenivāsaṃ anussarati, seyyathidaṃ : ekampi jātiṃ dvepi jātiyo - pe - iti sākāraṃ sauddesaṃ anekavihitāṃ pubbenivāsaṃ anussarati.

**221.** "So evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgaṇe vigatūpakkilese mudubhūte kammaniye ṭhite āneñjappatte sattānaṃ cutūpapātañāṇāya cittaṃ abhininnāmeti. So dibbena cakkhunā visuddhena atikkantaṃ anusakena satte passati

cavamāne upapajjamāne hīne paṇīte suvaṇṇe dubbaṇṇe, sugate duggate - pe - yathākammūpage satte pajānāti. "So evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgaṇe viḡatūpakkilese mudubhūte kammaniye ṡhite āneṅjappatte āsavānaṃ khayaṅāṅāya cittaṃ abhininnāmeti. So 'idaṃ dukkhanti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ dukkhasamudayoti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ dukkhanirodhoti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ dukkhanirodhagāminī paṡipadāti yathābhūtaṃ pajānāti 'ime āsavāti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ āsavasamudayoti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ āsavanirodhoti yathābhūtaṃ pajānāti, 'ayaṃ āsavanirodhagāminī paṡipadāti yathābhūtaṃ pajānāti. Tassa evaṃ jānato evaṃ passato kāmasavāpi cittaṃ vimuccati, bhavāsavāpi cittaṃ vimuccati, avijjāsavāpi cittaṃ vimuccati. Vimuttasmiṃ vimuttamiti ṅṅaṇaṃ hoti. 'Khīṅā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṅiyaṃ, nāparaṃ itthattāyāti pajānāti. "So hoti bhikkhu khamo sītassa uṅhassa jighacchāya pipāsāya ḡamsamakasavātātapasarīsapasamphassānaṃ duruttānaṃ durāgatānaṃ vacanapathānaṃ, uppanānaṃ sārīrikānaṃ vedanānaṃ dukkhānaṃ tibbānaṃ kharānaṃ kaṡukānaṃ asātānaṃ amanāpānaṃ pāṅaharānaṃ adhivāsakajātiko hoti sabbarāgadosamohanihitannītakasāvo āhuneyyo pāhuneyyo dakkhiṅeyyo añjalikaraṅīyo anuttaraṃ puṅṅakkhettaṃ lokassa.

**222.** "Mahallako cepi, aggivessana, raṅṅo nāgo adanto avinīto kālaṅkaroti, 'adantamaṅaṃ [adantaṃ maraṅaṃ (ka.)] mahallako raṅṅo nāgo kālaṅkatotveva saṅkhaṃ gacchati majjhimo cepi, aggivessana, raṅṅo nāgo. Daharo cepi, aggivessana, raṅṅo nāgo adanto avinīto kālaṅkaroti, 'adantamaṅaṃ daharo raṅṅo nāgo kālaṅkatotveva saṅkhaṃ gacchati evameva kho, aggivessana, thero cepi bhikkhu akhīṅāsavo kālaṅkaroti, 'adantamaṅaṃ thero bhikkhu kālaṅkatotveva saṅkhaṃ gacchati majjhimo cepi, aggivessana, bhikkhu. Navo cepi, aggivessana, bhikkhu akhīṅāsavo kālaṅkaroti, 'adantamaṅaṃ navo bhikkhu kālaṅkatotveva saṅkhaṃ gacchati.

"Mahallako cepi, aggivessana, raṅṅo nāgo sudanto suvinīto kālaṅkaroti, 'dantamaṅaṃ mahallako raṅṅo nāgo kālaṅkatotveva saṅkhaṃ gacchati majjhimo cepi, aggivessana, raṅṅo nāgo... daharo cepi, aggivessana, raṅṅo nāgo sudanto suvinīto kālaṅkaroti, 'dantamaṅaṃ daharo raṅṅo nāgo kālaṅkatotveva saṅkhaṃ gacchati evameva kho, aggivessana, thero cepi bhikkhu khīṅāsavo kālaṅkaroti, 'dantamaṅaṃ thero bhikkhu kālaṅkatotveva saṅkhaṃ gacchati majjhimo cepi, aggivessana, bhikkhu. Navo cepi, aggivessana, bhikkhu khīṅāsavo kālaṅkaroti, 'dantamaṅaṃ navo bhikkhu kālaṅkatotveva saṅkhaṃ gacchati. Idamavoca **Bhagavā**. Attamana aciravato samaṅuddeso bhagavato bhāsitaṃ abhinandīti.

Dantabhūmisuttaṃ niṡṡhitāṃ paṅcamaṃ.



## 125. Dantabhūmisuttavaṇṇanā [Atthakathā]

213. **Evaṃ me sutanti** dantabhūmisuttaṃ. Tattha **araññakuṭikāyanti** tasseva veḷuvanassa ekasmiṃ vivittaṭṭhāne padhānakammikānaṃ bhikkhūnaṃ atthāya katasenāsane. **Rājakumāro**ti bimbisārassa putto orasako.

**Phuseyyāti** labheyya. **Ekaggatanti** evaṃ paṭipanno samāpattiṃ nāma labhati, jhānaṃ nāma labhatīti idaṃ mayā sutanti vadati. **Kilamathoti** kāyakilamatho. **Vihesāti** sveva kilamatho vutto. **Yathāsake tiṭṭheyyāsīti** attano ajānanakoṭṭhāseyeva tiṭṭheyyāsīti.

214. **Desesīti** cittekaggataṃ nāma evaṃ labhati, samāpattiṃ evaṃ nibbattetīti appanāupacāraṃ pāpetvā ekakasiṇaparikkammaṃ kathesi. **Pavedetvāti** pakāsetvā.

**Nekkhammena ñātabbanti** kāmato nissatagaṇena ñātabbam. Kāmato nissatagaṇe ṭhitena puggalena ekaggaṃ nāma jānitabbanti adhippāyenetam vuttaṃ. Sesāni tasseva vevacanāni. **Kāme paribhuñjantoti** duvidhepi kāme bhuñjamāno.

215. **Hatthidammā vā assadammā vā godammā vāti** ettha adantahatthidammādayo viya cittekaggarahitā puggalā daṭṭhabbā. Dantahatthiādayo viya cittekaggasampannā. Yathā adantahatthidammādayo kūṭākāraṃ akatvā dhuraṃ achaḍḍetvā dantagamaṇaṃ vā gantuṃ, dantehi vā pattabbaṃ bhūmiṃ pāpuṇituṃ na sakkonti, evameva cittekaggarahitā sampannacittekaggehi nibbattitagaṇaṃ vā nibbattetuṃ pattabhūmiṃ vā pāpuṇituṃ na sakkonti.

216. **Hatthavilaṅghakenāti** hatthena hatthaṃ gahetvā.

**Daṭṭheyyanti** passitabbayuttakam. **Āvutoti** āvarito. **Nivutoti** nivārito. **Ophuṭoti** onaddho.

217. **Nāgavanikanti** hatthipadopame (ma. ni. 1.288 ādayo) nāgavanacarako puriso “nāgavaniko”ti vutto, idha hatthisikkhāya kusalo hatthiṃ gahetuṃ samattho. **Atipassitvāti** disvā. **Etthagedhāti** etasmiṃ pavattagedhā. **Sarasaṅkappānanti** dhāvanasaṅkappānaṃ. **Manussakantesu sīlesu samādapanāyāti** ettha yadā nāgo itthipurisehi kumārakumārikāhi soṇḍādīsu gahetvā upakeḷayamāno vikāraṃ na karoti sukhāyati, tadānena manussakantāni sīlāni samādinnaṃ nāma honti.

**Pemaṇiyāti** tāta rājā te pasanno maṅgalahatthiṭṭhāneva ṭhapessati, rājārahāni bhojanādīni labhissasīti evarūpī nāgehi piyāpitabbā kathā. **Sussūsatīti** taṃ

pemañīyakathaṃ sotukāmo hoti. **Tiṇaghāsodakanti** tiṇaghāsañceva udakañca, **tiṇaghāsanti** ghāsitabbaṃ tiṇaṃ, khāditabbanti attho.

**Paṇavoti** diṇḍimo. **Sabbavaṅkadosanihitannitakasāvoti** nihitasabbavaṅkadoso ceva apanītakasāvo ca. **Aṅanteva saṅkhaṃ gacchatīti** aṅgasamo hoti.

**219. Gehasitasīlānanti** pañcakāmaguṇanissitasīlānaṃ. **Ñāyassāti** aṭṭhaṅgikamaggassa.

**222. Adantamaraṇaṃ mahallako rañño nāgo kālaṅkatoti** rañño mahallako nāgo adantamaraṇaṃ mato kālaṃ kato hoti, adantamaraṇaṃ kālaṃkiriyaṃ nāma kariyatīti ayamettha attho. Esa nayo sabbattha. Sesāṃ uttānamevāti. Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Dantabhūmisuttavaṇṇanā niṭṭhitā.